

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83/2026/HS-ST**
Ngày: 27 - 5 -2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Tân

Ông Phạm Đức Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/HSST ngày 05/5/2026, đối với bị cáo:

Lê Thanh H, sinh năm 1968, tại Đồng Nai; Căn cước công dân: 075068002416; Nơi đăng ký thường trú: khu phố A phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố B, phường L, thành phố Đ). Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Huỳnh Thị L1; Vợ: Vũ Thị Tuyết B (đã ly hôn), con: có 01 người con sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh H:* Ông Lê Văn T, Luật sư - Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ.

- Bị hại: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm: 1966 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1965 (*Có mặt*)

Nơi cư trú: Ấp Bảo Định, xã Xuân Định, thành phố Đồng Nai

2. Chị Nguyễn Ngọc Huyền T2, sinh năm: 2004 (*Có mặt*)

Nơi cư trú: Nơi cư trú: Ấp B, xã X, thành phố Đ

3. Chị Nguyễn Ngọc Huyền T3, sinh năm: 2006 (*Vắng mặt*)

Nơi cư trú: Ấp B, xã X, thành phố Đ

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hồ Trọng T4, sinh năm: 1984 (*Vắng mặt*)

Nơi cư trú: Ấp B, xã X, thành phố Đ.

2. Bà Huỳnh Thị L1, sinh năm: 1951 (*Có mặt*)

Nơi cư trú: số E, đường Q, phường L, thành phố Đ

- *Người làm chứng:* Bà Vũ Thị Tuyết B, sinh năm: 1955 (*Có mặt*)

Nơi cư trú: khu phố N, phường H, thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 04/01/2014, do có mâu thuẫn trong sinh hoạt nên ông Hồ Trọng T4, sinh năm 1984, thường trú tại khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai đến nhà Lê Thanh H tại ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai) để nói chuyện. Tại đây, hai bên phát sinh mâu thuẫn nên ông T4 đã dùng cây gỗ đập vào đầu xe mô tô kiểu dáng Dream của H (gây thiệt hại không đáng kể) rồi quay về nhà.

Khi biết được sự việc như trên thì ông Nguyễn Ngọc T1 (cha dượng ông T4), sinh năm 1966 có ý định đến nhà H để xin lỗi về hành vi của ông T4 và đem xe mô tô của Lê Thanh H đi sửa chữa nếu có hư hỏng. Đến khoảng 19 giờ 00 phút ngày 07/01/2014, ông Nguyễn Ngọc T1 đi xe mô tô đến nhà Lê Thanh H để gặp nhau nói chuyện. Lúc nói chuyện tại phòng khách nhà H thì ông T1 và Lê Thanh H phát sinh mâu thuẫn và xảy ra cự cãi nhau. Do nóng giận, Lê Thanh H đi xuống bếp lấy 01 (một) con dao rựa dài khoảng 50cm, bề ngang khoảng 10cm, dày khoảng 02cm, cán bằng gỗ chém nhiều nhát vào hai chân và tay trái của ông T1 gây thương tích. Ông T1 chạy thoát được, H tiếp tục đuổi theo đến rẫy ông S (bên cạnh nhà H). Thấy vậy, bà Vũ Thị Tuyết B (vợ Lê Thanh H) đã can ngăn H và tri hô người dân xung quanh đến trình báo Công an xã X đến giải quyết vụ việc và đưa ông T1 đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ, đồng thời đưa H cùng hung khí gây án đến Công an xã X để làm việc. Tại Cơ quan Công an xã X, Lê Thanh H đã khai nhận hành vi dùng dao chém ông T1 gây thương tích.

Trong quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X thu thập tài liệu, chứng cứ để tiến hành khởi tố vụ án, điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật thì Lê Thanh H bỏ trốn khỏi địa phương từ sau buổi làm việc tại Công an xã X ngày 07/01/2014. Ngày 21/5/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Lê Thanh H về tội: “Cố ý gây thương tích”, quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do Lê Thanh H bỏ trốn nên ngày 15/9/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã ra Quyết định truy nã

số 13/QĐ-CQĐT.

* Hậu quả:

Tại giấy chứng nhận thương tích số 91/CN-BV ngày 16/01/2024 của Bệnh viện Đ kết luận đối với Nguyễn Ngọc T1, thể hiện:

- + Tình trạng thương tích lúc vào viện (ngày 07/01/2014):
 - Vết thương mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải kích thước: 05cm x 01cm, lộ xương chày gãy, ổ xương chày có 02 mảnh xương tách rời.
 - Vết thương mất da mu ngón 1 tay trái kích thước: 03 cm x 2cm.
 - Vết thương ngang mặt lòng gò ngón 2 tay trái kích thước: 08cm x 03 cm, đứt gân gấp nông sâu ngón 2.
 - Vết thương mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái kích thước: 02cm x 0,5cm, sâu 0,5cm.
 - Mặt ngoài gò trái có vết thương kích thước: 05 cm x 01cm, sâu 01 cm.
 - Mặt trước cẳng chân trái có 02 vết thương mỗi vết thương kích thước: 02cm x 0,5cm, sâu 0,5cm.
 - Kết quả chụp X-quang cẳng chân phải (thẳng nghiêng): Gãy 1/3 giữa hai xương
 - Kết quả chụp X-quang bàn tay trái, gò trái, cẳng chân trái: Hiện tại không phát hiện tổn thương xương.
 - Tình trạng thương tích hiện tại: (ngày 15.01.2014)
 - Vết thương mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải dài 05cm, đã khâu, hiện tại khô.
 - Vết thương mất da mu ngón 1 tay trái kích thước: 03 cm x 01 cm, hiện tại khô.
 - Vết thương mặt lòng gò ngón 2 bàn tay trái dài 08cm, hiện tại khô, gấp ngón 2 hạn chế.
 - Vết thương mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái dài 02cm, hiện tại khô.
 - Vết thương mặt ngoài gò trái dài 05cm, hiện tại khô.
 - 02 vết thương cẳng chân trái dài 02cm, hiện tại khô.

* Tại Bản kết luận giám định thương tật số 0331/GĐPY/2014 ngày 02/4/2014 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y kết luận thương tích của ông Nguyễn Ngọc T1:

Thương tích cẳng - bàn tay trái, gò trái và cẳng chân trái do vật sắc. Vết thương cẳng chân phải do vật tày.

- Lâm sàng:
 - + Để lại vết thương mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái kích thước 02cm.
 - + Vết thương mất da ngón I bàn tay trái kích thước 03x02cm.
 - + Vết thương mặt lòng ngón II và kẽ ngón II, III kích thước 08cm, đứt gân gấp nông sâu ngón II.
 - + Vết thương mặt ngoài gò trái kích thước 05cm.
 - + 02 vết thương mặt trước 1/3 dưới cẳng chân trái kích thước mỗi vết 02cm.
 - + Vết thương mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải kích thước 05cm, gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân phải, ổ gãy xương chày có hai mảnh rời.
 - + Đã được Bệnh viện Đ - Đồng Nai kết hợp xương bằng khung cố định

ngoài, dẫn lưu ổ gãy, bó bột đùi - cẳng bàn chân phải và khâu nối gân.

- Cận lâm sàng:

+ X - Q:

Gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân phải

Không thấy tổn thương trên phim gối trái

Hiện tại: Các vết thương đã liền sẹo, vận động ngón II tay trái hạn chế động tác gấp, tiên lượng cứng khớp đốt 1 - 2 ngón II tay trái. Gối trái và cẳng chân trái vận động bình thường. Hiện chân phải chưa đi lại được, phải đi bằng nạng.

(Áp dụng Chương VIII, điều 7, mục 3, khoản 2 cho vết thương làm gãy hai xương cẳng chân phải, có mảnh rời, can xấu, tỷ lệ: 25%)

(Áp dụng Chương VIII, điều 4, mục 5, khoản 2, điểm 1 cho vết thương ngón II bàn tay trái gây hạn chế vận động ngón II, tiên lượng hàn khớp liên đốt 1 - 2, tỷ lệ: 03%).

(Vận dụng Chương IX, điều 1, mục 4 cho vết thương vùng cẳng tay trái, ngón I tay trái, gối trái và cẳng chân trái tổng kích thước 14cm, tỷ lệ: 02%

Áp dụng phương pháp cộng lùi.

Tỷ lệ % tổn thương cơ thể toàn bộ là: **29%** (hai mươi chín)

Xếp hạng tổn thương cơ thể: Tạm thời.

* Vật chứng vụ án:

- 01 (một) con dao rựa dài khoảng 50cm, bề ngang khoảng 10cm, dày khoảng 02cm, cán bằng gỗ do Lê Thanh H giao nộp.

Tại bản cáo trạng số: 71/CT-VKSKV6 ngày 23 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai truy tố bị cáo Lê Thanh H về tội “*Cố ý gây thương tích*” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo bản cáo trạng và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lê Thanh H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: không có. Tình tiết giảm nhẹ: nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo đã nộp tiền khắc phục một phần hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thanh H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

* Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh H: thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai về việc truy tố bị cáo H về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo xảy ra do nóng giận, bộc phát. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi, phạm tội lần đầu; gia đình đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lê Thanh H đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 15/9/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã ra Quyết định truy nã số 13/QĐ-CQĐT đối với bị cáo nhưng đến nay bị cáo vẫn bỏ trốn, không rõ đang ở đâu. Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các biện pháp truy tìm, truy nã theo quy định của pháp luật nhưng không có kết quả.

Căn cứ quy định tại Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 05/2025/TTLT-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC quy định về phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử vắng mặt bị can, bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị cáo là đúng quy định pháp luật, bảo đảm giải quyết vụ án kịp thời, đúng quy định.

[3] Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 07/01/2014, tại nhà Lê Thanh H thuộc ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp B, xã X, thành phố Đ); Lê Thanh H đã có hành vi dùng dao rựa là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhát trúng vào hai chân và tay trái ông Nguyễn Ngọc T1 gây thương tích. Sau khi gây thương tích cho ông T1, Lê Thanh H đã bỏ trốn khỏi địa phương. Theo kết luận giám định, tỷ lệ thương tật của ông Nguyễn Ngọc T1 là 29% (tạm thời). Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thanh H đã xâm phạm đến quyền được bảo hộ về sức khỏe của con người nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Tuy nhiên, do chuyển biến của tình hình tội phạm và chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước, tội “*Cố ý gây thương tích*” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) có khung hình phạt thấp hơn khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm b khoản 1 Điều 2 ngày 20/06/2016 của Quốc hội cũng như hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao về các quy định có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) để truy tố đối với hành vi của bị cáo là đung người, đung tội, đung pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Chỉ vì mâu thuẫn trong lúc nói chuyện mà bị cáo đã sử dụng dao rựa là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhất vào tay, chân của bị hại gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 29%. Khi bị hại bỏ chạy thì bị cáo vẫn tiếp tục truy đuổi, thể hiện tính chất quyết liệt của hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo không những gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần của bị hại mà còn gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự xem thường pháp luật nên cần xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Ngoài ra, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương từ năm 2014 đến nay, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng và thể hiện thái độ trốn tránh trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét cho bị cáo việc sau khi xảy ra vụ việc bị cáo đã đến Công an xã làm việc, giao nộp hung khí gây án; nguyên nhân vụ việc xuất phát từ mâu thuẫn phát sinh trong sinh hoạt, bị cáo phạm tội mang tính bộc phát, bị hại cũng có một phần lỗi dẫn đến mâu thuẫn nên khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị L1 là mẹ ruột của bị cáo Lê Thanh H tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng để hỗ trợ bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H đã bỏ trốn khỏi địa phương từ năm 2014 đến nay, không ra đầu thú, không hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng và cũng không thể hiện ý chí tự nguyện bồi thường hoặc vận động gia đình khắc phục hậu quả. Việc bà L1 nộp tiền hoàn toàn xuất phát từ ý chí tự nguyện của bà L1, không phải do bị cáo tác động hay thể hiện sự ăn năn, khắc phục hậu quả của bản thân bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị

hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 100.000.000 đồng, gồm: 8.877.285 đồng tiền viện phí, tiền thuốc điều trị có hóa đơn, chứng từ và 91.122.715 đồng tiền bồi thường tổn thất tinh thần.

Xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 29%, làm bị hại phải điều trị trong thời gian dài, ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt và tinh thần của bị hại nên yêu cầu bồi thường thiệt hại của người đại diện hợp pháp của bị hại là có căn cứ xem xét theo quy định tại các Điều 584, 585 và 590 Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản tiền 8.877.285 đồng tiền viện phí, thuốc điều trị: Xét thấy người đại diện hợp pháp của bị hại đã cung cấp hóa đơn, chứng từ phù hợp với quá trình điều trị thương tích của bị hại nên cần chấp nhận.

Đối với khoản tiền yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần 91.122.715 đồng: Hội đồng xét xử xét thấy bị hại bị tổn thương sức khỏe với tỷ lệ 29%, phải điều trị trong thời gian dài, ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe, sinh hoạt và tinh thần. Bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại rồi bỏ trốn trong thời gian nên cần buộc bị cáo bồi thường khoản tổn thất tinh thần tương xứng với hậu quả đã gây ra. Tuy nhiên, xét mức yêu cầu bồi thường 91.122.715 đồng là cao, căn cứ mức độ tổn thương sức khỏe thực tế của bị hại, điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay và quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại, buộc bị cáo bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần tương đương 25 tháng lương cơ sở, số tiền là 58.500.000 đồng (25 tháng x 2.340.000 đồng) là phù hợp.

Như vậy, tổng cộng buộc bị cáo phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 67.377.285 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị L1 là mẹ ruột của bị cáo Lê Thanh H đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại nên cần ghi nhận, khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường của bị cáo. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 57.377.375 đồng cho người đại diện hợp pháp của bị hại.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) con dao rựa dài khoảng 50 cm, bẻ ngang khoảng 10 cm, dày khoảng 02 cm, cán bằng gỗ bị cáo H đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với các đối tượng khác:

Đối với việc ông Hồ Trọng T4 có hành vi dùng cây gỗ đập vào đầu xe mô tô kiểu dáng Dream của Lê Thanh H, quá trình điều tra chưa làm việc được với Lê Thanh H về vấn đề này nên tách ra, đề nghị xử lý sau.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 67.377.285 đồng nên phải chịu 3.368.864 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025);

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh H **03 (ba)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) con dao rựa dài khoảng 50 cm, bề ngang khoảng 10 cm, dày khoảng 02 cm, cán bằng gỗ.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/3/2026).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 468, Điều 584, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc bị cáo Lê Thanh H bồi thường cho người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc T1 là Bà Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Ngọc Huyền T2 và Nguyễn Ngọc Huyền T3 tổng số tiền là 67.377.275 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu* đồng) gia đình bị cáo Lê Thanh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002881 ngày 25/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đ để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thanh H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 3.368.864 đồng (*Ba triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. Thành phố Đồng Nai;
- VKSND. Thành phố Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Đồng Nai;
- VKSND KV6 - Đồng Nai;
- Phòng THADS KV6 - Đồng Nai;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương